

Bản án số: 45/2024/DS-ST  
Ngày: 19 - 8 - 2024  
V/v Tranh chấp về đòi lại tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Thành Trung;
- Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:* Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, về việc Tranh chấp về đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Huỳnh Văn T, sinh ngày 01/01/1964 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Mai N, sinh năm 1990 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T trình bày: Quá trình chung sống, ông Huỳnh Văn T và bà Mai Thị H (vợ của ông Huỳnh Văn T) có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất ruộng khoảng 32,5 công tằm cắt tại huyện T. Sau đó, bà Mai Thị H bị bệnh nặng nên khoảng tháng chạp năm 2021, ông Huỳnh Văn T có chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên với giá khoảng hơn

2.000.000.000đồng để lo trị bệnh cho bà Mai Thị H. Số tiền 1.000.000.000đồng, do trước khi vợ ông chết, ông Huỳnh Văn T và bà Mai Thị H có cùng bàn bạc nhờ con ông tên Huỳnh Thị Mai N mang đi gửi Ngân hàng dùm, gửi tiền tại Ngân hàng TMCP C, chi nhánh thành phố H, số tiền còn lại thì con ông mang cho vay bên ngoài và cất nhà ở (khoản tiền này ông không yêu cầu).

Khi đưa tiền cho con mang đi gửi Ngân hàng, không có giấy tờ, vì là cha con với nhau. Sau đó đến ngày 10/3/2024, thì tiền gửi Ngân hàng hết hạn, ông Huỳnh Văn T có mời sui gia và người cậu ruột đến nhà để bàn về số tiền gửi này để lại cho ông đứng tên, nhưng Huỳnh Thị Mai N không đồng ý và có thái độ hung hãn, chửi ông và cho rằng số tiền trên ông cho mượn không có giấy tờ.

Số vàng 20 chỉ vàng là của do ông và bà Mai Thị H dành dụm, từ việc làm lúa, ban đầu do ông giữ 10 chỉ vàng (là chiếc nhẫn) và bà Mai Thị H giữ 10 chỉ vàng (là chiếc vòng đeo tay), khi bà Mai Thị H bị bệnh, sợ đi nằm viện không giữ vàng trên người được nên đã tháo ra đưa cho Huỳnh Thị Mai N 01 chiếc vòng tay 10 chỉ và khi bà Mai Thị H chết, ông có quen với người phụ nữ khác, con ông sợ ông mang vàng cho người phụ nữ khác nên đã chửi ông và đòi lấy vàng, ông giận quá nên đã tháo nhẫn ra đưa cho Huỳnh Thị Mai N. Việc ông tháo nhẫn đưa cho Huỳnh Thị Mai N có cha mẹ chồng Huỳnh Thị Mai N biết, tên: Nguyễn Văn L, sinh năm 1962 và Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1972, cùng ngụ ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Huỳnh Văn T yêu cầu một mình chị Huỳnh Thị Mai N trả cho tôi số tiền 1.000.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24 kara 10 tuổi. Ngoài ra, ông không yêu cầu cá nhân nào khác.

Bị đơn là chị Huỳnh Thị Mai N trình bày: Là con ông Huỳnh Văn T và mẹ là bà Mai Thị H (chết năm 2022). Trước khi mẹ chết, cha mẹ có bán miếng đất ruộng ở xã T, huyện T được bao nhiêu tiền thì chị không biết, và khi còn sống cho đến khi mẹ chết, cha mẹ sử dụng số tiền này như thế nào thì chị không biết; đối với số vàng của cha mẹ, chị cũng không lấy gì.

Trước đây, chị có gửi tiền tại Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Đ với số tiền 1.000.000.000đồng, đây là số tiền của vợ chồng chị làm ăn, dành dụm được.

Do đó, qua yêu cầu của nguyên đơn, chị không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000đồng (Tỷ đồng);

Các đương sự đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị **Huỳnh Thị Mai N** phải trả lại số tiền 1.000.000.000đồng và 20 chỉ vàng 24 kara 10 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp về đòi lại tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là chị **Huỳnh Thị Mai N** có địa chỉ cư trú tại **ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền 1.000.000.000đồng, xét thấy: Căn cứ vào biên nhận về việc lấy tiền cọc bán đất sản xuất lúa đề ngày 21 tháng chạp năm 2021, giữa người bán là ông **Huỳnh Văn T** với người mua là bà Nguyễn Thị Ý thống nhất mua bán đất diện tích 32,5 công tầm cát với giá 62.000.000đồng/01 công tầm cát, đưa tiền cọc trước 100.000.000đồng và đến ngày 15/01/2022, vợ chồng bà Nguyễn Thị Ý đưa thêm tiền cho ông **Huỳnh Văn T** 1.000.000.000đồng, số tiền còn lại trả cho ông **Huỳnh Văn T** khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong; chị **Huỳnh Thị Mai N** có mở tài khoản số 105868778828 ngày 08/08/2018 tại **Ngân hàng TMCP C chi nhánh Đ**. Ngày 10/3/2022, chị **Huỳnh Thị Mai N** có gửi tiết kiệm số tiền 1.000.000.000đồng và đến ngày 11/3/2024, chị **Huỳnh Thị Mai N** đã đến **Ngân hàng Thương mại cổ phần C** thực hiện rút toàn bộ khoản tiền tiết kiệm; chị **Huỳnh Thị Mai N** có mở tài khoản thanh toán số 070141330215 ngày 11/09/2023 tại **Ngân hàng TMCP S**. Hiện số dư tài khoản thanh toán đến ngày 05/6/2024 là 174.097đồng; chị **Huỳnh Thị Mai N** có mở tài khoản tiết kiệm tích góp siêu linh hoạt số 070145316217 ngày 13/3/2024 tại **Ngân hàng TMCP S**. Hiện số dư thẻ tiết kiệm tích góp siêu linh hoạt đến ngày 05/6/2024 là 1.000.000đồng; đồng thời, chị **Huỳnh Thị Mai N** không có nghề nghiệp ổn định, làm chủ hội 03 dây hội 3.000.000đồng có 22 người tham gia, mỗi tháng khai hội 01 lần và tiền hoa hồng là 1.500.000đồng; chồng của chị **Huỳnh Thị Mai N** làm nghề lái xe tải,...thu nhập mỗi tháng là 15.000.000đồng; bên cạnh đó, vợ chồng chị **Huỳnh Thị Mai N** có 02 người con, con lớn sinh năm 2019 và con nhỏ sinh năm 2023.

[4] Mặc dù, ông **Huỳnh Văn T** khai có đưa tiền 1.000.000.000đồng cho **Huỳnh Thị Mai N** đi gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và ngược lại, **Huỳnh Thị Mai N** không thừa nhận, tuy nhiên theo lời trình bày của ông **Nguyễn Văn B** là người làm chứng đã khai vợ chồng ông đã đưa thêm cho ông **Huỳnh Văn T** số tiền 1.000.000.000đồng tiền mua đất; tại phiên tòa, chị **Huỳnh Thị Mai N** thừa nhận từ khi cưới nhau vào năm 2016, chị ở nhà cha mẹ ruột, không có nghề nghiệp ổn định, toàn bộ chi phí lo cho gia đình là do chồng chị đi làm thuê mỗi tháng thu nhập khoảng 15.000.000đồng; năm 2019 chị sinh con thứ nhất và năm 2023, chị tiếp tục sinh con thứ hai. Như vậy,

với tổng thu nhập của vợ chồng chị **Huỳnh Thị Mai N** nêu trên đủ đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc xài tiết kiệm thì cũng sẽ dư đôi chút và gửi tiết kiệm vài chục triệu hay vài trăm triệu, chứ không thể nào dư được một lúc mà gửi tiết kiệm tại Ngân hàng với số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng); chị khai là không có trúng số, mượn tiền hay vay tiền của ai hết, mà số tiền 1.000.000.000đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng là do vợ chồng chị tiết kiệm mà có là chưa phù hợp với tính khách quan của vụ án. Do đó, việc ông **Huỳnh Văn T** khai có đưa tiền cho con tên **Huỳnh Thị Mai N** gửi tiền tiết kiệm 1.000.000.000đồng tại **Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Đ** là có chứng cứ nên chấp nhận.

[5] Đối với 20 chỉ vàng 24 ka ra 10 tuổi, xét thấy: Chị **Huỳnh Thị Mai N** không thừa nhận và ông **Huỳnh Văn T** cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ, việc*”. nên không chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có chứng cứ một phần, nên chấp nhận một phần.

[7] Để đảm bảo quyền lợi cho ông **Huỳnh Văn T** trong quá trình thi hành án, kể từ ngày ông **Huỳnh Văn T** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị **Huỳnh Thị Mai N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận.

[9] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 4 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9.1] Nguyên đơn là ông **Huỳnh Văn T** phải chịu án phí một phần án phí, nhưng ông **Huỳnh Văn T** là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9.2] Bị đơn là chị **Huỳnh Thị Mai N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch là 300.000đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 4 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị **Huỳnh Thị Mai N** có trách nhiệm trả cho ông **Huỳnh Văn T** số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng).

Kể từ ngày ông **Huỳnh Văn T** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, chị **Huỳnh Thị Mai N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Huỳnh Văn T** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị **Huỳnh Thị Mai N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 19 tháng 8 năm 2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Trung**

